

POSITIVE (KHẲNG ĐỊNH)

I/YOU/WE/THEY/CHỦ NGỮ SỐ NHIỀU

HE/SHE/IT/CHỦ NGỮ SỐ ÍT

V (ĐỘNG TỪ NGUYÊN THỂ)

Vs/Ves (ĐỘNG TỪ THÊM "S" HOẶC "ES"

I **eat**

You **eat**

They **eat**

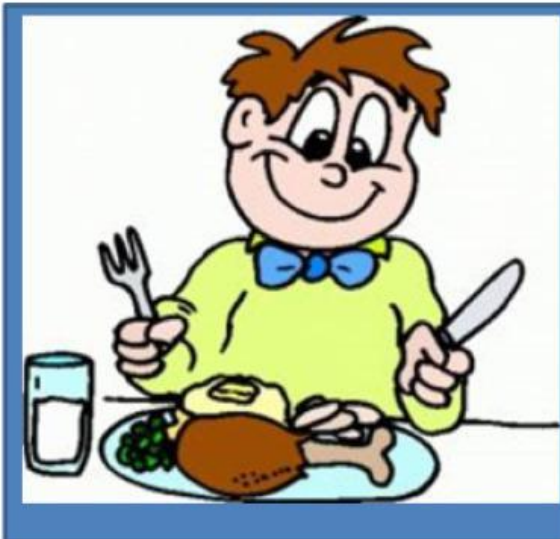
My parents **eat**.

he **eats**

she **eats**

it **eats**

My dog **eats**.



Nếu động từ kết thúc bằng "o, ch, x, sh, z, s, ss" thì thêm "es"

go- goes, watch-watches, fix=fixes,

wash-washes, miss-misses

Nếu động từ kết thúc bằng "y" chuyển thành "ies" Nhưng trước "y" là nguyên âm "u, e, o, a, i" thì thêm "s" bình thường

cry- cries, try-tries

Nhưng: **play-plays, enjoy-enjoys**



1

Change the verbs form.

I/you/we/they

He/she/it

1.wake up

wakes up

2.walk

3.study

4.brush

I/you/we/they

He/she/it

5.watch

6. cry

7. drink

8. play

**2****Choose the verbs and complete the sentences.**

1



2



3



4



5

1. Nick brushes his teeth every day.
2. We _____ science lesson on Mondays.
3. He _____ his kite very afternoon.
4. My mom _____ me every day.
5. Peter _____ his homework after dinner.

~~brush~~

fly

have

do

kiss

**3****Change and complete the sentences.**

1. I get up at six o'clock.
2. I have breakfast every day.
3. I brush his teeth at 7a.m
4. I go to school at 8 a.m
5. I study hard at school.

He gets up at six o'clock

Mr Brown _____

My brother _____

Sam _____

She _____